

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 1 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	001	Trần Hoàng Kim	Ái	02/01/2013	Nữ	8.1	
2	002	Huỳnh Lê Hoài	An	02/11/2013	Nữ	8.2	
3	003	Dương Ngọc Thuận	An	10/04/2013	Nữ	8.3	
4	004	Nguyễn Ngọc Nhã	An	01/07/2013	Nữ	8.3	
5	005	Huỳnh Nguyễn Hoài	An	10/10/2013	Nữ	8.7	
6	006	Nguyễn Phạm Hoài	An	02/07/2013	Nữ	8.8	
7	007	Lê Phúc Quốc	An	21/02/2013	Nam	8.9	
8	008	Nguyễn Thy	Ân	13/11/2013	Nữ	8.5	
9	009	Ngô Kỳ	Ân	01/06/2013	Nam	8.6	
10	010	Phạm Thị Hồng	Ân	29/01/2013	Nữ	8.8	
11	011	Đỗ Thị Hoàng	Anh	11/05/2013	Nữ	8.5	
12	012	Lê Nguyễn Bảo	Anh	22/07/2013	Nữ	8.5	
13	013	Vũ Quốc	Anh	07/01/2013	Nam	8.5	
14	014	Đặng Ngọc Xuân	Anh	31/01/2013	Nữ	8.7	
15	015	Lê Hoàng Bảo	Anh	21/09/2013	Nữ	8.7	
16	016	Đỗ Bảo	Anh	16/02/2013	Nữ	8.8	
17	017	Hà Quỳnh	Anh	30/07/2013	Nữ	8.8	
18	018	Kiều Nhật	Anh	12/06/2013	Nam	8.8	
19	019	Nguyễn Quỳnh Trâm	Anh	18/10/2013	Nữ	8.9	
20	020	Đoàn Xuân	Bách	01/01/2013	Nam	8.1	
21	021	Nguyễn Ánh	Băng	21/01/2013	Nữ	8.7	
22	022	Trần Duy	Bảo	28/07/2013	Nam	8.1	
23	023	Nguyễn Quốc	Bảo	04/11/2013	Nam	8.2	
24	024	Nguyễn Gia	Bảo	17/03/2013	Nam	8.3	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 2 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	025	Huỳnh Viết Chí	Bảo	25/04/2013	Nam	8.4	
2	026	Mai Quốc	Bảo	07/12/2013	Nam	8.5	
3	027	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	02/08/2013	Nam	8.5	
4	028	Nguyễn Đình Gia	Bảo	28/12/2013	Nam	8.6	
5	029	Đỗ Gia	Bảo	12/07/2013	Nam	8.7	
6	030	Nguyễn Nhật Khải	Bình	22/11/2013	Nam	8.1	
7	031	Nguyễn Huỳnh Bảo	Chân	20/10/2013	Nữ	8.3	
8	032	Lê Minh	Châu	02/01/2013	Nam	8.4	
9	033	Vũ Hoàng Minh	Châu	27/05/2013	Nữ	8.6	
10	034	Trịnh Bảo	Châu	05/01/2013	Nữ	8.7	
11	035	Huỳnh Viết Bảo	Châu	23/05/2013	Nam	8.9	
12	036	Hoàng Đình Linh	Chi	13/06/2013	Nữ	8.2	
13	037	Lê Ngọc Phương	Chi	18/11/2013	Nữ	8.2	
14	038	Nguyễn Minh	Chí	07/05/2013	Nam	8.2	
15	039	Mai Hoàng	Chiến	13/07/2013	Nam	8.3	
16	040	Phạm Phương Linh	Đan	28/06/2013	Nữ	8.3	
17	041	Nguyễn Linh	Đan	31/03/2013	Nữ	8.4	
18	042	Nguyễn Hải	Đăng	20/09/2013	Nam	8.1	
19	043	Lâm Văn Tấn	Đạt	26/11/2013	Nam	8.6	
20	044	Lê Hoàng Thiên	Di	05/12/2013	Nữ	8.4	
21	045	Phạm Thiên	Di	18/09/2013	Nữ	8.6	
22	046	Lê Hà Khánh	Đoan	21/02/2013	Nữ	8.3	
23	047	Trương Phan Thục	Đoan	09/01/2013	Nữ	8.6	
24	048	Dương Đình	Đức	15/01/2013	Nam	8.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 3 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	049	Huỳnh Phước	Đức	17/10/2013	Nam	8.6	
2	050	Bùi Quang	Dũng	17/06/2013	Nam	8.1	
3	051	Nguyễn Quốc Anh	Duy	24/11/2013	Nam	8.4	
4	052	Lê Trang Ngọc	Duyên	19/08/2013	Nữ	8.4	
5	053	Cao Kỳ Bảo	Duyên	01/01/2013	Nữ	8.8	
6	054	Lương Ánh	Duyên	20/03/2013	Nữ	8.8	
7	055	Lê Thị Khánh	Giang	11/02/2013	Nữ	8.3	
8	056	Đặng Quỳnh	Giao	08/08/2013	Nữ	8.4	
9	057	Nguyễn Minh Nguyệt	Hà	09/11/2013	Nữ	8.2	
10	058	Võ Thu	Hà	13/12/2013	Nữ	8.2	
11	059	Trần Thanh	Hải	16/01/2013	Nam	8.6	
12	060	Lê Đỗ Gia	Hân	20/03/2013	Nữ	8.2	
13	061	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	07/05/2013	Nữ	8.4	
14	062	Trần Bảo	Hân	25/08/2013	Nữ	8.4	
15	063	Nguyễn Bảo	Hân	09/06/2013	Nữ	8.5	
16	064	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	23/03/2013	Nữ	8.6	
17	065	Đặng Lê Ngọc	Hân	16/02/2013	Nữ	8.7	
18	066	Trương Gia	Hân	18/02/2013	Nữ	8.7	
19	067	Lâm Gia	Hân	03/10/2013	Nữ	8.9	
20	068	Trần Gia	Hân	07/08/2013	Nữ	8.9	
21	069	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	07/02/2013	Nữ	8.4	
22	070	Võ Trung	Hiếu	30/06/2013	Nam	8.1	
23	071	Nguyễn Tấn	Hiếu	09/09/2013	Nam	8.2	
24	072	Trương Minh	Hiếu	14/02/2013	Nam	8.3	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 4 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	073	Nguyễn Tiến	Hiếu	01/01/2013	Nam	8.4	
2	074	Trần Nguyễn Quang	Hiếu	10/07/2013	Nam	8.4	
3	075	Huỳnh Trương Minh	Hiếu	24/01/2013	Nam	8.6	
4	076	Lê Quang	Hiếu	02/08/2013	Nam	8.6	
5	077	Trương Văn	Hiếu	06/12/2013	Nam	8.7	
6	078	Võ Như	Hoàng	09/02/2013	Nam	8.2	
7	079	Nguyễn Đức	Hoàng	05/12/2013	Nam	8.6	
8	080	Nguyễn Tiến Anh	Hoàng	24/10/2013	Nam	8.7	
9	081	Thân Thanh	Hoàng	29/03/2013	Nam	8.8	
10	082	Lâm Gia	Hoàng	16/07/2012	Nam	8.9	
11	083	Nguyễn Minh	Hoàng	16/05/2013	Nam	8.9	
12	084	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/02/2013	Nam	8.8	
13	085	Trần Phước Gia	Hùng	16/10/2013	Nam	8.1	
14	086	Phan Ngọc Tấn	Hùng	27/01/2013	Nam	8.4	
15	087	Trương Lê Gia	Hùng	02/01/2013	Nam	8.5	
16	088	Ngô Gia	Hùng	06/09/2013	Nam	8.6	
17	089	Phạm Khánh	Hùng	02/09/2013	Nam	8.6	
18	090	Nguyễn Hoàng Khánh	Hùng	29/07/2013	Nam	8.7	
19	091	Nguyễn Trần Kiến	Huy	03/08/2013	Nam	8.2	
20	092	Dương Chấn	Huy	18/05/2013	Nam	8.5	
21	093	Phạm Chính	Huy	01/02/2013	Nam	8.5	
22	094	Trần Hoàng Gia	Huy	02/10/2013	Nam	8.5	
23	095	Trương Nguyễn An	Huy	20/01/2013	Nam	8.5	
24	096	Nguyễn Văn Gia	Huy	25/02/2013	Nam	8.6	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 5 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	097	Bùi Văn Gia	Huy	06/05/2013	Nam	8.7	
2	098	Lê Gia Bảo	Huy	27/10/2013	Nam	8.7	
3	099	Lê Anh	Huy	08/12/2013	Nam	8.9	
4	100	Đào Duy	Kha	20/02/2013	Nam	8.1	
5	101	Phạm Văn Nguyên	Kha	29/05/2013	Nam	8.2	
6	102	Trần Nguyên Việt	Kha	06/09/2013	Nam	8.8	
7	103	Trần Nam	Kha	29/02/2012	Nam	8.9	
8	104	Võ Nhật	Khải	18/11/2013	Nam	8.4	
9	105	Bùi Phước	Khang	10/08/2013	Nam	8.1	
10	106	Dương Tấn	Khang	27/01/2013	Nam	8.1	
11	107	Lê Minh	Khang	17/12/2013	Nam	8.1	
12	108	Lưu Văn	Khang	05/08/2013	Nam	8.1	
13	109	Nguyễn Nguyên	Khang	11/05/2013	Nam	8.1	
14	110	Nguyễn Phúc	Khang	01/07/2013	Nam	8.3	
15	111	Đinh Ngọc Bình	Khang	02/04/2013	Nam	8.4	
16	112	Nguyễn Đình Tuấn	Khang	06/12/2013	Nam	8.4	
17	113	Phạm Văn Nguyên	Khang	03/09/2013	Nam	8.4	
18	114	Nguyễn Gia	Khang	17/01/2013	Nam	8.6	
19	115	Phù Tường	Khang	04/06/2013	Nam	8.6	
20	116	Đinh Phú	Khang	13/04/2013	Nam	8.7	
21	117	Trần Phước	Khang	29/11/2013	Nam	8.7	
22	118	Hoàng Minh	Khang	21/09/2013	Nam	8.8	
23	119	Võ Đoàn Nhật	Khang	30/09/2013	Nam	8.8	
24	120	Lê Chí	Khang	08/02/2013	Nam	8.9	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 6 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	121	Nguyễn Mai	Khanh	22/02/2013	Nữ	8.2	
2	122	Trương Vi	Khanh	01/03/2013	Nữ	8.2	
3	123	Trần Gia	Khánh	16/06/2013	Nam	8.1	
4	124	Trần Gia	Khánh	06/09/2013	Nam	8.4	
5	125	Võ Nguyên Bảo	Khánh	01/06/2013	Nữ	8.4	
6	126	Ngô Văn	Khánh	31/05/2012	Nam	8.6	
7	127	Nguyễn Phạm Vân	Khánh	12/09/2013	Nữ	8.8	
8	128	Nguyễn Trần Gia	Khánh	29/08/2013	Nam	8.8	
9	129	Huỳnh Gia	Khánh	04/02/2013	Nam	8.9	
10	130	Đỗ Đăng	Khoa	14/03/2013	Nam	8.1	
11	131	Phạm Lê Anh	Khoa	15/07/2013	Nam	8.1	
12	132	Phan Đăng	Khoa	13/12/2013	Nam	8.5	
13	133	Hoàng Duy	Khoa	05/05/2013	Nam	8.6	
14	134	Hoàng Vĩnh	Khoa	17/12/2013	Nam	8.6	
15	135	Huỳnh Thanh Anh	Khoa	13/02/2013	Nam	8.6	
16	136	Hoàng Đỗ Trọng	Khoa	11/12/2013	Nam	8.7	
17	137	Nguyễn Đăng	Khoa	15/01/2013	Nam	8.8	
18	138	Nguyễn Viết	Khôi	14/03/2013	Nam	8.1	
19	139	Đặng Việt Phương	Khôi	05/06/2013	Nữ	8.2	
20	140	Nguyễn Anh	Khôi	22/10/2013	Nam	8.5	
21	141	Trần Phan Anh	Khôi	22/12/2013	Nam	8.5	
22	142	Nguyễn Đăng	Khôi	08/10/2013	Nam	8.6	
23	143	Nguyễn Quốc Anh	Khôi	12/01/2013	Nam	8.6	
24	144	Phạm Đăng	Khôi	11/02/2013	Nam	8.6	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 7 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	145	Võ Nguyễn Đăng	Khôi	14/10/2013	Nam	8.7	
2	146	Lê Nguyên	Khôi	25/09/2013	Nam	8.8	
3	147	Trương Quốc	Khôi	09/02/2013	Nam	8.8	
4	148	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Khuê	27/10/2013	Nữ	8.2	
5	149	Trương Hoàng Minh	Khuê	21/08/2013	Nữ	8.2	
6	150	Lê Minh	Khuê	19/01/2013	Nữ	8.6	
7	151	Dương Nguyên	Khương	05/04/2013	Nam	8.3	
8	152	Bùi Trung	Kiên	22/12/2013	Nam	8.4	
9	153	Nguyễn Phạm Chí	Kiên	27/09/2013	Nam	8.4	
10	154	Nguyễn Lê Trung	Kiên	20/09/2013	Nam	8.7	
11	155	Nguyễn Gia	Kiệt	23/07/2013	Nam	8.1	
12	156	Trần Minh	Kiệt	03/10/2013	Nam	8.3	
13	157	Nguyễn Trần Tuấn	Kiệt	14/11/2013	Nam	8.7	
14	158	Kiều Gia	Kiệt	15/03/2013	Nam	8.8	
15	159	Ngô Nhật Hoàng	Kim	28/01/2013	Nữ	8.4	
16	160	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	26/06/2013	Nữ	8.9	
17	161	Phan Gia	Kỳ	12/02/2013	Nữ	8.1	
18	162	Lê Trần Phúc	Lâm	02/11/2013	Nam	8.1	
19	163	Trần Hạo	Lâm	18/12/2013	Nam	8.6	
20	164	Huỳnh Tuệ	Lâm	12/05/2013	Nữ	8.9	
21	165	Trần Xuân Phúc	Lâm	15/07/2013	Nam	8.9	
22	166	Phan Kiều	Lê	18/05/2013	Nữ	8.6	
23	167	Võ Ngọc Pha	Lê	22/04/2013	Nữ	8.6	
24	168	Phạm Nguyễn Ngọc	Lê	23/11/2013	Nữ	8.8	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 8 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	169	Lương Gia	Linh	28/09/2013	Nữ	8.3	
2	170	Nguyễn Vũ Uyên	Linh	16/07/2013	Nữ	8.3	
3	171	Phạm Thị Khánh	Linh	18/07/2013	Nữ	8.3	
4	172	Nguyễn Khiết	Linh	05/11/2013	Nữ	8.4	
5	173	Huỳnh Châu Gia	Linh	15/09/2013	Nữ	8.5	
6	174	Nguyễn Lê Gia	Linh	08/08/2013	Nữ	8.5	
7	175	Nguyễn Phương	Linh	03/05/2013	Nữ	8.5	
8	176	Phạm Gia	Linh	26/05/2013	Nữ	8.5	
9	177	Hứa Diệu	Linh	06/05/2013	Nữ	8.6	
10	178	Trần Khánh	Linh	04/01/2013	Nữ	8.6	
11	179	Nguyễn Phương	Linh	22/12/2013	Nữ	8.9	
12	180	Phạm Lê Phương	Linh	29/12/2013	Nữ	8.9	
13	181	Nguyễn Phạm Trường	Lộc	14/06/2013	Nam	8.2	
14	182	Nguyễn Tấn	Lộc	25/04/2013	Nam	8.8	
15	183	Nguyễn Trí	Lộc	10/05/2013	Nam	8.8	
16	184	Trương Lâm Thành	Lợi	24/07/2013	Nam	8.4	
17	185	Nguyễn Đại	Long	22/03/2013	Nam	8.4	
18	186	Nguyễn Hoàng	Long	06/02/2013	Nam	8.7	
19	187	Đỗ Quốc	Long	22/09/2012	Nam	8.8	
20	188	Trần Phi	Long	05/10/2013	Nam	8.9	
21	189	Hà Khánh	Luân	25/05/2013	Nam	8.3	
22	190	Phan Lê Đăng	Lưu	16/11/2013	Nam	8.3	
23	191	Lê Chi	Mai	16/04/2013	Nữ	8.2	
24	192	Hứa Huệ	Mẫn	16/04/2013	Nữ	8.4	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 9 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	193	Trần Gia	Mẫn	26/09/2013	Nữ	8.7	
2	194	Đỗ Tuệ	Mẫn	26/12/2013	Nữ	8.8	
3	195	Nguyễn Võ Mộc	Miền	22/05/2013	Nữ	8.6	
4	196	Nguyễn Tường Gia	Minh	09/03/2013	Nữ	8.1	
5	197	Trần Ngọc	Minh	01/06/2013	Nữ	8.2	
6	198	Ngô Tuấn	Minh	01/06/2013	Nam	8.6	
7	199	Ông Hoàng Thảo	My	13/03/2013	Nữ	8.3	
8	200	Ngô Hoàng	My	01/02/2013	Nữ	8.6	
9	201	Phạm Khánh	My	04/05/2013	Nữ	8.9	
10	202	Lê Thảo	Na	25/06/2013	Nữ	8.3	
11	203	Nguyễn Nhật	Nam	16/02/2013	Nam	8.1	
12	204	Phùng Tấn Hồ	Nam	02/12/2013	Nam	8.1	
13	205	Nguyễn Hoàng	Nam	05/10/2013	Nam	8.5	
14	206	Đinh Lê Thúy	Ngân	05/03/2013	Nữ	8.2	
15	207	Nguyễn Bảo	Ngân	22/01/2013	Nữ	8.2	
16	208	Đặng Ngô Bảo	Ngân	24/04/2013	Nữ	8.3	
17	209	Phạm Hoàng Bảo	Ngân	13/07/2013	Nữ	8.4	
18	210	Võ Hoài Kim	Ngân	08/01/2013	Nữ	8.4	
19	211	Lê Thị Ngọc	Ngân	27/07/2013	Nữ	8.5	
20	212	Trương Hoàng Kim	Ngân	11/10/2013	Nữ	8.5	
21	213	Trương Thị Bảo	Ngân	27/05/2013	Nữ	8.5	
22	214	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	30/11/2013	Nữ	8.6	
23	215	Trần Ngọc	Ngân	09/11/2013	Nữ	8.9	
24	216	Đặng Ngọc Linh	Nghi	25/02/2013	Nữ	8.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 10 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	217	Trần Duy	Nghĩa	09/06/2013	Nam	8.2	
2	218	Trần Lê Minh	Nghĩa	16/10/2013	Nam	8.5	
3	219	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	31/07/2013	Nữ	8.2	
4	220	Lê Bảo	Ngọc	26/12/2013	Nữ	8.4	
5	221	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/04/2013	Nữ	8.5	
6	222	Huỳnh Bảo	Ngọc	22/11/2013	Nữ	8.7	
7	223	Võ Thị Bảo	Ngọc	16/01/2013	Nữ	8.9	
8	224	Nguyễn Hoàng Khôi	Nguyên	25/08/2013	Nam	8.1	
9	225	Nguyễn Lâm Bảo	Nguyên	13/01/2013	Nữ	8.1	
10	226	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	02/10/2013	Nữ	8.4	
11	227	Nguyễn Nhật	Nguyên	16/11/2013	Nam	8.5	
12	228	Huỳnh Tịnh	Nguyên	08/03/2013	Nữ	8.7	
13	229	Bùi Ngọc Khôi	Nguyên	06/10/2013	Nam	8.8	
14	230	Lê Thị Thảo	Nguyên	10/12/2013	Nữ	8.8	
15	231	Nguyễn Tam Khôi	Nguyên	18/05/2013	Nam	8.9	
16	232	Phạm Duy	Nguyên	04/02/2013	Nam	8.9	
17	233	Phùng Bình	Nguyên	27/11/2013	Nữ	8.9	
18	234	Võ Thùy Trúc	Nhã	04/02/2013	Nữ	8.9	
19	235	Đinh Nguyễn Thiện	Nhân	10/10/2013	Nam	8.6	
20	236	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	31/01/2013	Nữ	8.6	
21	237	Lê Viết	Nhật	17/08/2013	Nam	8.6	
22	238	Võ Bá Minh	Nhật	19/06/2013	Nam	8.7	
23	239	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	06/06/2013	Nam	8.8	
24	240	Nguyễn Quang	Nhật	24/01/2013	Nam	8.8	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 11 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	241	Phạm Văn Minh	Nhật	31/07/2013	Nam	8.9	
2	242	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	06/01/2013	Nữ	8.2	
3	243	Lê Yên	Nhi	22/03/2013	Nữ	8.3	
4	244	Nguyễn Bùi Tuệ	Nhi	11/10/2013	Nữ	8.3	
5	245	Phạm Ngọc Hoàng	Nhi	01/07/2013	Nữ	8.3	
6	246	Trần Thục	Nhi	02/02/2013	Nữ	8.3	
7	247	Đỗ Kim An	Nhi	31/07/2013	Nữ	8.5	
8	248	Trần Đặng Bảo	Nhi	25/02/2013	Nữ	8.5	
9	249	Đặng Thị Yên	Nhi	09/03/2013	Nữ	8.7	
10	250	Ngô Khánh	Nhi	22/03/2013	Nữ	8.9	
11	251	Nguyễn Tâm	Như	08/05/2013	Nữ	8.3	
12	252	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	04/03/2013	Nữ	8.4	
13	253	Nguyễn Bảo	Như	22/05/2013	Nữ	8.5	
14	254	Mai Lê Uyên	Như	30/03/2013	Nữ	8.7	
15	255	Nguyễn Huỳnh Bảo	Như	21/10/2013	Nữ	8.9	
16	256	Đặng Thị Kiều	Oanh	14/06/2013	Nữ	8.4	
17	257	Trần Lê Hoàng	Oanh	06/08/2013	Nữ	8.7	
18	258	Trần Đại	Phát	05/09/2013	Nam	8.3	
19	259	Nguyễn Văn	Phát	28/11/2013	Nam	8.4	
20	260	Trần Lâm	Phát	05/05/2013	Nam	8.5	
21	261	Nguyễn Phi	Phi	15/01/2013	Nữ	8.2	
22	262	Trần Đình Khải	Phong	09/06/2013	Nam	8.3	
23	263	Nguyễn Xuân	Phong	09/11/2013	Nam	8.8	
24	264	Lê Thiên	Phú	03/11/2013	Nam	8.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 12 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	265	Lê An	Phú	10/08/2013	Nam	8.3	
2	266	Trần Công Thiên	Phú	07/07/2013	Nam	8.3	
3	267	Trần Nguyễn Đăng	Phú	31/03/2013	Nam	8.7	
4	268	Bùi Xuân	Phú	08/08/2013	Nam	8.8	
5	269	Dương Phú Bảo	Phúc	07/10/2013	Nam	8.1	
6	270	Phan Ngọc Tường	Phúc	29/06/2013	Nữ	8.2	
7	271	Trần Nguyễn Ngọc	Phúc	14/05/2013	Nam	8.2	
8	272	Nguyễn Thanh	Phúc	02/12/2013	Nam	8.4	
9	273	Đỗ Văn	Phúc	09/04/2013	Nam	8.5	
10	274	Nguyễn Thanh	Phúc	27/08/2013	Nam	8.7	
11	275	Trần Minh	Phúc	26/06/2013	Nam	8.8	
12	276	Phạm Gia	Phúc	07/08/2013	Nam	8.9	
13	277	Trần Duy Bảo	Phúc	14/05/2013	Nam	8.9	
14	278	Hoàng Uyên	Phương	13/01/2013	Nữ	8.7	
15	279	Đỗ Minh	Phương	01/09/2013	Nam	8.8	
16	280	Ngô Lê Khánh	Phương	17/10/2013	Nam	8.9	
17	281	Bùi Lê Ngọc	Quân	17/08/2013	Nam	8.1	
18	282	Nguyễn Minh	Quân	23/05/2013	Nam	8.2	
19	283	Nguyễn Hoàng	Quân	05/06/2013	Nam	8.3	
20	284	Phạm Minh	Quân	18/10/2013	Nam	8.4	
21	285	Lê Viết Nhật	Quân	12/08/2013	Nam	8.5	
22	286	Nguyễn Trần Hoàng	Quân	16/01/2013	Nam	8.5	
23	287	Phạm Anh	Quân	13/02/2013	Nam	8.7	
24	288	Võ Hoàng	Quân	05/01/2013	Nam	8.8	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 13 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	289	Nguyễn Vinh	Quang	13/02/2013	Nam	8.9	
2	290	Lê Song Thảo	Quyên	12/09/2013	Nữ	8.1	
3	291	Trần Ngọc	Quyên	27/09/2013	Nữ	8.2	
4	292	Lê Song Nhã	Quyên	04/08/2013	Nữ	8.3	
5	293	Nguyễn Hồng	Quyên	25/08/2013	Nữ	8.4	
6	294	Nguyễn Trần Hoàng	Quyên	16/01/2013	Nữ	8.5	
7	295	Nguyễn Hoàng Thục	Quyên	02/02/2013	Nữ	8.9	
8	296	Lê Bình Trúc	Quỳnh	11/03/2013	Nữ	8.1	
9	297	Lê Đan	Quỳnh	04/02/2013	Nữ	8.2	
10	298	Lê Phạm Như	Quỳnh	05/05/2013	Nữ	8.4	
11	299	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	19/04/2013	Nữ	8.5	
12	300	Trịnh Nhã	Quỳnh	18/11/2013	Nữ	8.5	
13	301	Đào Phan Như	Quỳnh	10/01/2013	Nữ	8.6	
14	302	Nguyễn Hữu Khánh	Quỳnh	22/02/2013	Nữ	8.6	
15	303	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh	11/05/2013	Nữ	8.8	
16	304	Phạm Dư Như	Quỳnh	05/01/2013	Nữ	8.9	
17	305	Tổng Phước	Sang	28/03/2013	Nam	8.7	
18	306	Bùi Hoàng Chánh	Tâm	06/11/2013	Nam	8.3	
19	307	Nguyễn Thị Minh	Tâm	01/12/2013	Nữ	8.3	
20	308	Dương Minh	Tâm	07/11/2013	Nam	8.6	
21	309	Lê Hoàng Minh	Tâm	02/12/2013	Nam	8.7	
22	310	Nguyễn Minh	Tâm	13/11/2013	Nam	8.9	
23	311	Bùi Như	Tân	17/03/2013	Nam	8.5	
24	312	Đặng Nguyễn Thị	Tân	06/12/2013	Nữ	8.6	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 14 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	313	Phạm Hữu	Thái	16/01/2013	Nam	8.9	
2	314	Bùi Phước Bảo	Thắng	07/05/2013	Nam	8.9	
3	315	Trần Nguyên Đoan	Thanh	03/06/2013	Nữ	8.3	
4	316	Tăng Kim	Thành	14/06/2013	Nam	8.7	
5	317	Tôn Nữ Phương	Thảo	08/04/2013	Nữ	8.1	
6	318	Trần Thanh	Thảo	31/10/2013	Nữ	8.8	
7	319	Nguyễn Trường	Thiên	03/07/2013	Nam	8.4	
8	320	Lê Duy	Thiện	16/10/2013	Nam	8.4	
9	321	Phan Chí	Thiện	26/07/2013	Nam	8.4	
10	322	Đỗ Hoàng	Thiện	08/11/2013	Nam	8.8	
11	323	Phạm Văn	Thịnh	19/05/2013	Nam	8.2	
12	324	Lê Ngô Phú	Thịnh	28/12/2013	Nam	8.3	
13	325	Nguyễn Phúc	Thịnh	26/12/2013	Nam	8.4	
14	326	Trần Phước	Thịnh	21/03/2013	Nam	8.7	
15	327	Lê Anh	Thư	15/01/2013	Nữ	8.2	
16	328	Võ Ngọc Anh	Thư	23/10/2013	Nữ	8.2	
17	329	Trương Hoàng Nguyên	Thư	10/01/2013	Nữ	8.3	
18	330	Văn Ngọc Anh	Thư	03/01/2013	Nữ	8.3	
19	331	Nguyễn Khánh	Thư	25/09/2013	Nữ	8.5	
20	332	Huỳnh Lê Anh	Thư	03/09/2013	Nữ	8.6	
21	333	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	14/07/2013	Nữ	8.6	
22	334	Phan Anh	Thư	01/02/2013	Nữ	8.6	
23	335	Lê Anh	Thư	29/06/2013	Nữ	8.7	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 15 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	336	Văn Uyên	Thư	04/07/2013	Nữ	8.7	
2	337	Lê Vũ Đan	Thư	20/12/2013	Nữ	8.8	
3	338	Nguyễn Thị Hà	Thư	29/07/2013	Nữ	8.9	
4	339	Trần Minh	Thùy	11/02/2013	Nữ	8.1	
5	340	Phạm Ngô	Thuyền	07/05/2013	Nam	8.7	
6	341	Phạm Khánh	Thy	22/08/2013	Nữ	8.3	
7	342	Lương Gia Uyên	Thy	01/04/2013	Nữ	8.8	
8	343	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	19/02/2013	Nữ	8.9	
9	344	Hồ Thanh	Tiến	01/12/2013	Nam	8.4	
10	345	Ngô Quang	Tín	24/11/2013	Nam	8.7	
11	346	Trần Đăng	Toàn	06/01/2013	Nam	8.1	
12	347	Nguyễn Phạm Tấn	Toàn	21/05/2013	Nam	8.2	
13	348	Nguyễn Viết	Toàn	28/06/2013	Nam	8.4	
14	349	Huỳnh Kim	Toàn	28/02/2013	Nam	8.5	
15	350	Nguyễn Quốc	Toàn	03/09/2013	Nam	8.7	
16	351	Nguyễn Kiều	Trâm	05/01/2013	Nữ	8.2	
17	352	Trần Ngọc	Trâm	26/11/2013	Nữ	8.3	
18	353	Đỗ Thái Thảo	Trâm	12/10/2013	Nữ	8.5	
19	354	Trần Thụy Bảo	Trâm	22/03/2013	Nữ	8.8	
20	355	Dương Lê Bảo	Trân	03/01/2013	Nữ	8.3	
21	356	Phạm Ngọc Tổ	Trân	03/10/2013	Nữ	8.3	
22	357	Trần Thiên	Trân	18/06/2013	Nam	8.3	
23	358	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	17/04/2013	Nữ	8.8	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 16 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	359	Nguyễn Hoàng Tú	Trân	14/09/2013	Nữ	8.9	
2	360	Phạm Thị Đoan	Trang	05/05/2013	Nữ	8.6	
3	361	Lâm Nguyễn Vân	Trang	22/09/2013	Nữ	8.8	
4	362	Nguyễn Nhật Minh	Trí	23/01/2013	Nam	8.1	
5	363	Lê Minh	Trí	26/09/2013	Nam	8.2	
6	364	Nguyễn Minh	Trí	01/01/2013	Nam	8.4	
7	365	Hồ Ngọc	Trí	06/05/2013	Nam	8.5	
8	366	Nguyễn Lê Đức	Trí	21/11/2013	Nam	8.6	
9	367	Trương Lê Minh	Trí	15/01/2013	Nam	8.7	
10	368	Nguyễn Văn	Trí	26/03/2013	Nam	8.9	
11	369	Phạm Bá	Triết	08/05/2013	Nam	8.9	
12	370	Trần Hải	Triều	16/01/2013	Nam	8.1	
13	371	Trần Nguyễn Bảo	Trinh	21/11/2013	Nữ	8.1	
14	372	Nguyễn Khánh Bảo	Trinh	01/12/2013	Nữ	8.6	
15	373	Đặng Lê Ngọc	Trinh	16/02/2013	Nữ	8.7	
16	374	Quảng Thùy Tuyết	Trinh	03/04/2013	Nữ	8.9	
17	375	Diệp Thanh	Trúc	16/10/2013	Nữ	8.2	
18	376	Nguyễn Khánh	Trung	25/10/2013	Nam	8.5	
19	377	Nguyễn Đăng Thiên	Tú	29/09/2013	Nữ	8.4	
20	378	Võ Văn Tuấn	Tú	31/07/2013	Nam	8.9	
21	379	Võ Phú	Tùng	07/09/2013	Nam	8.2	
22	380	Nguyễn Văn	Tùng	05/03/2013	Nam	8.5	
23	381	Lê Thảo	Uyên	10/07/2013	Nữ	8.1	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 17 - KHỐI 8
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	382	Nguyễn Kim Bảo	Uyên	03/01/2013	Nữ	8.1	
2	383	Trần Thị Nhã	Uyên	11/01/2013	Nữ	8.2	
3	384	Nguyễn Vương Nhật	Uyên	24/01/2013	Nữ	8.3	
4	385	Phan Thị Thảo	Uyên	25/04/2013	Nữ	8.3	
5	386	Lê Thanh Bảo	Uyên	10/01/2013	Nữ	8.7	
6	387	Phùng Nguyễn Nhã	Uyên	24/10/2013	Nữ	8.8	
7	388	Trần Nguyễn Phương	Uyên	06/01/2013	Nữ	8.8	
8	389	Lê Chi	Văn	13/06/2013	Nam	8.4	
9	390	Trương Đức Khánh	Văn	24/07/2013	Nam	8.5	
10	391	Võ Văn	Việt	01/11/2013	Nam	8.7	
11	392	Dương Tấn	Vĩnh	05/02/2013	Nam	8.1	
12	393	Nguyễn Đình Thiên	Vũ	07/02/2013	Nam	8.8	
13	394	Nguyễn Đặng Khánh	Vy	06/06/2013	Nữ	8.1	
14	395	Võ Lê	Vy	06/06/2013	Nữ	8.3	
15	396	Lê Hà Nhã	Vy	12/04/2013	Nữ	8.5	
16	397	Phạm Thị Tường	Vy	21/02/2013	Nữ	8.5	
17	398	Nguyễn Tường	Vy	17/02/2013	Nữ	8.8	
18	399	Nguyễn Lê	Vy	10/08/2013	Nữ	8.9	
19	400	Trần Phương Nhã	Vy	09/12/2013	Nữ	8.9	
20	401	Lê Nguyễn Khôi	Vỹ	02/04/2013	Nam	8.2	
21	402	Nguyễn Thị Bảo	Yến	30/03/2013	Nữ	8.4	
22	403	Nguyễn Châu Hải	Yến	05/11/2013	Nữ	8.8	
23	404	Phạm Lương Hoàng	Yến	08/05/2013	Nữ	8.9	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.